**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CÔNG NGHỆ - 2022**

**BÀI 1: GIỚI THIỆU VỀ TRỒNG TRỌT**

**A. Câu hỏi đúng, sai:**

1. Dựa vào nguồn gốc, cây trồng được chia làm 3 nhóm: Nhóm cây ôn đới, nhóm cây nhiệt đới và nhóm cây á nhiệt đới?. **( Đ)**

2. Giống cây trồng là yếu tố chính quan trọng nhất trong trồng trọt? **( Đ )**.

3. Vai trò của trồng trọt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0: Đảm bảo an ninh lương thực. Thúc đẩy sự phát triển chăn nuôi và công nghệ. Tham gia vào xuất khẩu và tạo việc làm cho người lao động. **( Đ)**

4. Triển vọng của trồng trọt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0: Phát triển máy móc ứng dụng công nghệ cao là xu hướng tất yếu. Hướng tới nền nông nghiệp 4.0. **( S )**

**B. Câu hỏi lựa chọn:**

1. Đảm bảo của mỗi quốc gia về nguồn cung cấp lương thực cho người dân để hạn chế và đẩy lùi tình trạng thiếu lương thực, nạn đói và tình trạng lương thực phụ thuộc vào nhập khẩu đó là:

a. Đảm bảo thức ăn. c. Đảm bảo an ninh lương thực.

b. Đảm bảo đủ ăn d. Đảm bảo cuộc sống.

2. Chọn những sản phẩm thuộc nhóm lương thực:

a. Lúa, ngô, khoai, sắn. b. Lúa, ngô, rau, quả. c. Dừa, mít, khoai, sắn. d. Rau, quả, đậu, cà.

3. Trồng trọt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 có vai trò gì đối với người lao động?

a. Tạo việc làm cho người lao động. c. Tạo sở thích cho người lao động.

b. Tạo niềm vui cho người lao động d. Tạo hứng thú cho người lao động.

4. Các khâu trong quá trình trồng trọt ở Việt Nam được áp dụng cơ giới hóa là:

a. Làm đất, uốn cành, chăm sóc, thu hoạch. b. Làm đất, tỉa cành, uốn cành, thu hoạch.

c. Tưới nước, bắt sâu, làm đất, thu hoạch. d. Làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch.

5. Các loại cây trồng được trong mô hình thủy canh, khí canh là:

a. Cà chua, dâu tây, khoai tây, mía, dưa chuột. b. Dưa chuột, xà lách, ổi, dâu tây, cải ngọt

c. Cà chua, dâu tây, khoai tây, dưa chuột d. Mít, khoai tây, cải ngọt, dưa chột, cà chua.

6. Hiện nay có mấy phương pháp tưới nước tự động, tiết kiệm được áp dụng ở Việt Nam?

a. 3 b. 4 c. 5 d. 6

7. Công nghệ nhà kính trong trồng trọt giúp ta kiểm soát được những yếu tố nào sau đây?

a. Sâu, bệnh hại. b. Nhiệt độ, ẩm độ, sâu bệnh, đất và không khí.

c. Đất và không khí. d. Nhiệt độ và ẩm độ.

8. Trồng được những nơi không có đất trồng, nơi có điều kiện thời tiết khắc nghiệt, tiết kiệm được không gian, tiết kiệm được nước, kiểm soát tốt chất lượng nông sản….đó là:

a. Ưu điểm của trồng thủy canh. b. Ưu điểm của trồng khí canh.

c. Ưu điểm của trồng nhà kính. d. Ưu điểm của trồng thủy canh, khí canh.

9. Tiết kiệm nước, tiết kiệm công lao động, giúp cây trồng phát triển tốt, bảo vệ đất…đó là:

a. Ưu điểm của trồng trọt. b. Ưu điểm của canh tác.

c. Ưu điểm của tưới nước tự động. d. Ưu điểm của làm đất.

10. Hình 1.9 trang 12 sgk tận dụng không gian nhà máy cũ để trồng xà lách thành công nhờ áp dụng hệ thống gì? a. Thủy canh b. Phun sương c. Đèn LED d. Khí canh

11. Hình 1.12 trang 13 sgk tận dụng vùng đất sa mạc khô cằn để trồng hoa thành công nhờ áp dụng hệ thống gì?. a.Thủy canh b. Khí canh c. Nhà kính. d. Tưới nhỏ giọt.

**BÀI 2: CÂY TRỒNG VÀ CÁC YẾU TỐ CHÍNH TRONG TRỒNG TRỌT**

**A. Câu hỏi đúng, sai:**

1. Dựa vào nguồn gốc, cây trồng được chia làm 3 nhóm: Nhóm cây ôn đới, nhóm cây nhiệt đới và nhóm cây á nhiệt đới?. **( Đ)**

**2.** Giống cây trồng là một trong những yếu tố quan trọng nhất của quy trình trồng trọt? **( Đ )**.

**B. Câu hỏi lựa chọn:**

1. Dựa vào nguồn gốc, cây trồng được chia làm mấy nhóm?

a. 2 nhóm b. 3 nhóm c. 4 nhóm d. 5 nhóm

2. Những cây trồng hàng năm là:

a. Lúa, đậu, củ.. b. Ổi, lúa, mía.. c. Mít, xoài, chuối… d. Khế , đậu, cà…

3. Những cây trồng lâu năm là:

a. Cà phê, cau su, lúa b. Ca cao, chè, tràm c. Mít, đậu, chè d. Xoài, chè, mía

4. Những cây một lá mầm: a. Cỏ, mía, mít b. Lúa, xoài, trúc c. Lúa, dừa, ngô d. Dừa, chanh, sầu riêng

5. Những cây hai lá mầm: a. Tre, cam, bưởi b. Bắp, lúa, chanh c. Dừa, cau, mít d. Mít, bàng, ổi, cam

6. Cây trồng chia thành nhiều loại như cây lương thực, cây ăn quả, cây rau, cây dược liệu, cây lấy gỗ, cây hoa…đó là phân loại theo: a. Mục đích sử dụng. b. Nguồn gốc. c. Mùa vụ. d. Năm.

7. Trong trồng trọt có mấy yếu tố chính: a. 5 b. 6 c. 7 d. 8

8. Cây trồng thực hiện được quá trình quang hợp để tạo ra chất hữu cơ, giúp cây sinh trưởng phát triển đó là nhờ năng lượng của: a. Ánh sáng. b. Gió. c. Hơi nước d. Mưa.

9. Quá trình hô hấp, quang hợp, thoát hơi nước, hấp thu nước và dinh dưỡng của cây là do ảnh hưởng trực tiếp của: a. Gió b. Mưa c. Ánh sáng d. Nhiệt độ

10. Tham gia vào quá trình quang hợp, là môi trường hòa tan muối khoáng và chất dinh dưỡng để cung cấp cho cây đó là vai trò của: a. Nước b. Không khí c. Sánh sáng d. Gió

11. Giúp dự trữ và cung cấp chất dinh dưỡng, nước và không khí cho cây, giúp cây đứng vững đó là vai trò của: a. Dinh dưỡng b. Nước c. Đất trồng d. Nhiệt độ.

12. Cây trồng bị còi cọc, chậm lớn, giảm năng suất, tạo ra nông sản kém chất lượng đó là do thiếu:

a. Nước b. Dinh dưỡng c. Mưa d. Gió

**BÀI 3: GIỚI THIỆU VỀ ĐẤT TRỒNG**

**A. Câu hỏi đúng, sai:**

1. Đất trồng là lớp bề mặt cứng rắn của vỏ trái đất mà trên đó thực vật có thể sinh sống, phát triển và sản xuất ra sản phẩm. **( S ).**

2. Keo đất là những hạt đất có kích thước dao động trong khoảng 1µm, không tan trong nước mà ở trạng thái lơ lửng trong nước ( trạng thái huyền phù ). **( Đ )**

**B. Câu hỏi lựa chọn:**

1. Đất trồng được hình thành dưới tác động của yếu tố:

A. Khí hậu B. Thời gian. C. Con người D. Khí hậu, thời gian và con người.

2. Thành phần chủ yếu của đất trồng là: A. Phần lỏng B. Phần rắn. C. Phần khí D. Sinh vật đất.

3. Keo đất là những hạt đất có kích thước giao động trong khoảng: A. 1 µm B. 2 µm C. 3 µm D. 4 µm

4. Đâu **không** phải là thành phần cấu tạo nên thành phần cơ giới của đất?

A. Hạt cát B. Limon C. Đá mẹ D. Sét trong đất.

5.Phần lỏng trong đất trồng là môi trường?

A. Giúp cây đứng vững B. Cung cấp chất dinh dưỡng, ôxy

C. Hòa tan các chất dinh dưỡng để cung cấp cho cây trồng. D. Giúp cây xanh tốt.

6. Trạng thái huyền phù là:

A. Chìm trong nước. B. Tan trong nước. C. Lơ lửng trong nước. D.Nổi trên mặt nước.

7. Đất trồng là gì? A. Do đá núi mũn ra, cây nào cũng sống được B. Kho dự trữ thức ăn của cây

C. Lớp bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất và thực vật có khả năng sống và sản xuất ra sản phẩm.

D. Lớp đá xốp trên bề mặt trái đất

8. Thành phần nào của keo đất có khả năng trao đổi ion với các ion trong dung dịch đất:

A. Lớp ion quyết định điện. B. Lớp ion bất động C. Lớp ion khuếch tán. D. Nhân keo đất.

9. Đất trồng gồm mấy thành phần cơ bản:

A. Nhiều thành phần B. Bốn thành phần C. Năm thành phần D. Hai thành phần

10. Đất có độ phì nhiêu biểu hiện đặc điểm nào?

A. Tơi xốp, thoáng khí, nhiều mùn và VSV, cho cây đạt năng suất cao

B. Đảm bảo cho cây đạt năng suất cao. C. Cung cấp nước D. Không chứa chất độc hại.

11.Đất trồng có tầm quan trọng như thế nào đối với đời sống của cây: A. Cung cấp nguồn lương thực

B. Cung cấp nước, dinh dưỡng

C. Cung cấp nước, oxy, dinh dưỡng và giữ cây đứng vững D. Giữ cây đứng vững

12.Vai trò cơ bản của phần khí trong đất trồng? A. Là không khí có ở trong khe hở của đất

B. Có tác dụng hòa tan chất dinh dưỡng C. Giúp rễ cây hô hấp và hoạt động của vi sinh vật đất.

D. Gồm thành phần vô cơ và thành phần hữu cơ

13.Phần rắn trong đất trồng gồm những thành phần nào?

A. Gồm chất vô cơ và hữu cơ B. Chất hữu cơ C. Dung dịch đất D. Chất vô cơ

14.Mỗi một hạt keo đất có cấu tạo như thế nào?

A. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion bất động → lớp ion khuếch tán.

B. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion bù → lớp ion bất động.

C. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion khuếch tán → lớp ion bất động.

D. Ở giữa nhân keo → lớp ion quyết định điện → lớp ion bù → lớp ion khuếch

15**.** Khi nào đất có phản ứng kiềm? A. H­­­+ = OH- B, H­­­+ > OH-  C. H­­­+ < OH-  D. H­­­ = OH

16. Sự trao đổi dinh dưỡng giữa đất và cây trồng được thực hiện giữa:

A**.** Lớp ion quyết định điện với ion trong dung dịch đất. B**.** Lớp ion khuếch tán với ion trong dung dịch đất..

C**.** Lớp ion bất động với ion trong dung dịch đất. D**.** Lớp nhân với ion trong dung dịch đất

17. Điều sai khi nói về keo đất: A**.** Kích thước nhỏ nên tan trong nước. B**.** Ở trạng thái huyền phù.

C. Kích thước nhỏ hơn 1 μm. D**.** Lơ lửng trong nước.

18. Đất chua là đất có pH : a. pH = 6,6 b. pH > 6,6 c. pH < 6,6 pH = 7,0

19. Đất trung tính là đất có pH: a. 5,0 – 6,0 b. 5,5 – 6,5 c, 6,6 – 7,0 d. 6,6 – 7,5

20. Đất kiềm có pH: A. Dưới 6,6 B. Trên 7,5 C. Từ 6,6 đến 7,5 D. Trên 6,6

21. Cấu tạo keo đất trong cùng là: A. Nhân B. Ion quyết định điện C. Ion bù D. Ion khuếch tán.

22. Cấu tạo keo đất tầng ion ngoài cùng là: A. B. Ion quyết định điện C. Ion bù D. Ion khuếch tán

23. Căn cứ vào thành phần cơ giới, người ta chia đất ra thành mấy loại?

A. 2 loại B. 3 loại C. 4 loại D. 5 loại

**BÀI 4: SỬ DỤNG, CẢI TẠO VÀ BẢO VỆ ĐẤT**

1. Những cây trồng nào thích hợp cho vùng đất chua ( phèn):

A. Chè, cà phê.. B. Sú, thơm, đước… C. Cây cói, cây họ đậu D. Cây họ đậu

2. Những cây trồng nào thích hợp cho vùng đất kiềm:

A. Chè, sú, đước.. B. Cây họ đậu, cói.. C. Cây họ đậu D. Đước, cói..

3. Những cây trồng nào thích hợp cho vùng đất mặn:

A. Chè, cói… B. Thơm, cà phê.. C. Cây họ đậu D. Cây cói

4. Luân canh là gì?

A. Cách tiến hành gieo trồng luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên cùng một diện tích.

B. Tăng số vụ gieo trồng trong năm trên một diện tích đất.

C. Trồng hai loại hoa màu cùng một lúc trên cùng một diện tích. D. Tăng từ một vụ lên hai, ba vụ.

5. Cây ngô thường được trồng xen canh với loại cây nào?

A. Cây hoa hồng. B. Cây đậu tương. C. Cây bàng. D. Cây hoa đồng tiền.

6. Đi làm ruộng về móng chân bị vàng. Theo em đất này thuộc loại đất nào?

A. Đất mặn. B. Đất phèn. C. Đất xám bạc màu. D. Đất mặn và đất phèn.

7. Nguyên nhân chính làm cho đất bị chua là:

A. Nồng độ H+ > nồng độ OH-  B. Nồng độ H+ < nồng độ OH-

C. Nước mưa rửa trôi các cation kiềm D. Nồng độ H+ = nồng độ OH-

8**.** Đất chua là đất trong dung dịch có nồng độ:

A. H­­­+ = OH- B.H­­­+ > OH- C.H­­­+ < OH- D. H­­­ > OH

9. Trong đất phèn có chứa chủ yếu axít nào sau đây?

A.H2SO4 B. H2CO3 C. HCl  D. H2S

10. Biện pháp cải tạo đất chua:

A. Bón vôi B. Thủy lợi C. Canh tác D. Bón vôi, thủy lợi, canh tác

11. Biện pháp nào được coi là hàng đầu trong cải tạo đất phèn ?

A. Biện pháp thủy lợi. B.Bón phân hóa học. C. Bón vôi. D.Trồng cây chịu phèn.

12. Đất mặn sau khi bón vôi một thời gian cần làm gì?

A. Trồng cây chịu mặn. B. Bón nhiều phân đạm, kali.

C. Bón bổ sung chất hữu cơ. D. Tháo nước để rửa mặn.

13. Đất mặn được phân bố nhiều ở đâu:

A. Đồng bằng B. Ven biển C. Miền núi D. Cao nguyên

14. Trong các loại đất dưới đây thì loại đất nào có chứa nhiều hợp chất NaCl, Na2SO4 ?

A. Đất xám bạc màu B. Đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá C. Đất mặn . D. Đất phèn

15. Nguyên nhân hình thành đất xám bạc màu là do đâu?

A. Chặt phá rừng bừa bãi. B. Đất dốc thoải.

C. Địa hình dốc thoải, tập quán canh tác lạc hậu. D. Rửa trôi chất dinh dưỡng.

16. Biện pháp cải tạo đất xám bạc màu:

A. Bón phân B. Thủy lợi C. Canh tác D. Bón phân, thủy lợi, canh tác

**BÀI 5: GIÁ THỂ TRỒNG CÂY**

1. Có mấy nhóm giá thể trồng cây?

1. 2 nhóm B. 3 nhóm C. 4 nhóm D. 5 nhóm

2. Giá thể than bùn được tạo ra từ:

1. Xác động vật B. Xác thực vật C. Xác côn trùng D. Xác vi rút

3. Giá thể mùn cưa được tạo ra từ:

1. Lá cây B. Thân cây C. Mùn cưa D. Vỏ cây

4. Giá thể trấu hun được tạo ra từ:

1. Vỏ trấu hạt thóc B. Vỏ hạt đậu C. Vỏ trái dừa D. Vỏ cây

5. Giá thể xơ dừa được tạo ra từ:

1. Vỏ cây dừa B. Lá cây dừa C. Thân dừa D. Vỏ trái dừa

6. Có mấy bước sản xuất của giá thể hữu cơ tự nhiên:

1. 2 bước B. 3 bước C. 4 bước D. 5 bước

7. Giá thể perlite có màu: A. Trắng B. Đen C. Đỏ D. Hồng

8. Giá thể nào chứa nhiều nhôm, một phần nhôm giải phóng ra ngoài làm độ PH giảm?

A. Giá thẻ mùn cưa B. Giá thể perlite C. Giá thể xơ dừa D. Giá thể gốm

9. Có mấy bước sản xuất của giá thể perlite:

1. 2 bước B. 3 bước C. 4 bước D. 5 bước

10. Giá thể gốm được sản xuất từ:

1. Đất cát B. Đất sét, phù sa, phụ phẩm nông nghiệp. B. Đất xám bạc màu D. Đất thịt

11. Có mấy bước sản xuất của giá thể gốm:

1. 2 bước B. 3 bước C. 4 bước D. 5 bước

12. [Hãy cho biết, giá thể nào sau đây không phải là giá thể tự nhiên?](https://khoahoc.vietjack.com/tits/index.php/question/895158/hay-cho-biet-gia-the-nao-sau-day-khong-phai-la-gia-the-tu-nhien)

A. Than bùn B. Mùn cưa C. Gốm D. Trấu hun

**BÀI 6: TH: XÁC ĐỊNH ĐỘ CHUA VÀ ĐỘ MẶN CỦA ĐẤT.**

1. Độ chua của đất được xác định dựa vào chỉ số nào?

A. pH B. BE C. EC D. BC

2. Độ mặn của đất được xác định dựa vào chỉ số nào?

A. pH B. BE C. EC D. BC

3.Thiết bị dùng để do độ chua của đất là gì?

A. Máy đo độ dẫn điện B. Máy đo độ dẫn nhiệt

C. Máy đo pH hoặc giấy pH D. Giấy quỳ tím

4. Thiết bị dùng để do độ mặn của đất là gì?

A. Máy đo độ dẫn điện B. Máy đo độ dẫn nhiệt

C. Máy đo pH D. Giấy pH

5. Quy trình xác định độ chua, độ mặn của đất thực hiện qua mấy bước?

A. 2 bước B. 3 bước C. 4 bước D. 5 bước

**BÀI 7: GIỚI THIỆU VỀ PHÂN BÓN:**

1.Các chất dinh dưỡng chính có trong phân bón là:

A. Đạm, Lân B. Kali, Canxi C. Đạm, Lân, Kali D. Sắt, Kali, lân.

2. Ngoài các chất dinh dưỡng chính có trong phân bón thì còn các nguyên tố phụ là:

A. Vi lượng B. Đa lượng C. Một số chất cần thiết D. Vi lượng và một số chất cần thiết.

3. Cách sử dụng phân bón lá cho cây trồng là:

A. Phun trên lá B. Phun vào gốc C. Phun trên thân cây D. Phun trên nhánh cây

4. Giúp cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản…đó là:

A. Sử dụng phân bón không hợp lí. B. Sử dụng phân bón hợp lí.

C. Không cần sử dụng phân bón. D. Sử dụng phân bón thật nhiều.

5. Giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản. Tăng thu nhập và lợi nhuận cho người sản xuất. Cải tạo đất trồng. Đó là vai trò của:

A. Gió B. Không khí C. Phân bón D. Nước

6. Đặc điểm của phân hóa học:

A. Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng, tỉ lệ dinh dưỡng thấp.

B. Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng, tỉ lệ dinh dưỡng thấp.

C. Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng, tỉ lệ dinh dưỡng cao.

D. Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng, tỉ lệ dinh dưỡng cao.

7. Bón nhiều phân hóa học và bón liên tục nhiều năm thì:

A. Đất tốt B. Đất bị chua C. Đất tơi xốp C. Đất phì nhiêu.

8. Nhóm phân nào sau đây thuộc phân hữu cơ:

A. Phân đạm, Phân chuồng B. Phân Kali, Phân rác

C. Phân lân, phân xanh D. Phân chuồng, phân xanh, phân rác

9. Bón nhiều phân hữu cơ và bón liên tục nhiều năm thì:

A. Đất bị xấu B. Đất bị chua C. Không hại đất D. Đất bị chai

10. Trong các loại phân sau đây phân nào trước khi bón cần ủ cho hoai mục?

A. Phân VSV B. Phân hữu cơ C. Phân hóa học D. Phân NPK

11. Đặc điểm nào không là đặc điểm của phân hữu cơ?

A.Hàm lượng chất dinh dưỡng cao. B.Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng

C.Không gây hại cho đất. D. Khó hòa tan.

12. Phân bón vi sinh là loại phân bón có chứa:

A. Một hoặc nhiều chủng vsv sống, đặc hiệu. B. Các chủng nấm.

C. Các chủng vi khuẩn D. Các chủng vi rút.

11. Phân vsv thường có thời gian sử dụng: A. Dài B. Ngắn C. Rất dài D. Vô hạn

12. Bón nhiều phân vsv và bón liên tục nhiều năm thì:

A. Đất bị xấu B. Đất bị chua C. Không hại đất C. Đất bị chai

13**.**  Phân hóa học là loại phân:

A. Được sản xuất theo quy trình công nghiệp. C. Loại phân sử dụng tất cả các chất thải.

B. Có chứa các loài VSV. D. Loại phân hữu cơ vùi vào đất.

14.Phân hữu cơ có đặc điểm:

A. Khó hoà tan, tỉ lệ chất dinh dưỡng cao. C. Khó hoà tan, có chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng.

B. Dễ hoà tan, có nhiều chất dinh dưỡng. D. Dễ hoà tan, tỉ lệ dinh dưỡng thấp.

15**.** Đặc điểm **không hợp lí** của phân vi sinh là:

A. Chứa vsv cố định đạm . B. Chứa vsv chuyển hóa lân .

C. Thời gian sử dụng ngắn D. Sử dụng nhiều năm sẽ gây chua đất.

16. Điều nào **không đúng** với đặc điểm phân hóa học?

A. Cải tạo đất B. Dễ tan. C. Tỉ lệ chất dinh dưỡng cao. D. Hiệu quả nhanh

17. Đặc điểm nào không là đặc điểm của phân hữu cơ?

A. Hàm lượng chất dinh dưỡng cao. B. Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng

C. Không gây hại cho đất. D. Khó hòa tan.

18. Loại phân nào chứa hai chất dinh dưỡng?

1. NPK B. SA C. URE D. DAP

19. Phân nào sau đây là phân hóa học ?

A. Phân chuồng B. Phân NPK C. Phân xanh D. Phân vi sinh vật cố định đạm.

20. Cách sử dụng phân vi sinh:

1. Phun trên quả B. Tẩm vào hạt, vào rễ C. Dùng bón thúc D. Phun trên lá.

21. Loại phân chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng nhưng tỉ lệ dinh dưỡng không ổn định là:

A. Phân NPK B. Phân hóa học C. Phân chuồng D. Phân vi sinh

22. Khi bón nhiều phân đạm tạo điều kiện cho:

A. Bộ rễ phát triển mạnh nhất B. Thân lá phát triển mạnh nhất

C.Thân phát triển mạnh nhất D. Cành phát triển mạnh nhất

**BÀI 8: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN PHÂN BÓN**

1. Yếu tố đầu tiên được nhắc đến khi bảo quản phân hóa học

A. Chống axit B. Chống ẩm C. Chống nóng D. Chống để lẫn lộn

2. Loại phân nào dùng bón thúc là chính:

A. Đạm, kali. B. Phân lân. C. Phân chuồng. D. Phân VSV.

3**.**  Khi sử dụng phân hữu cơ cần chú ý điểm gì?

A. Phân đạm, kali chủ yếu dùng bón thúc là chính. C. Phải ủ cho hoai mục trước khi bón

B. Phải bón vôi D. Ít nguyên tố khoáng

4**.**  Loại phân nào dùng để bón lót là chính:

A. Đạm. B. Phân chuồng. C. Phân NPK. D. Kali.

5. Phân có tác dụng cải tạo đất:

A. Phân Hóa học. B. Phân hữu cơ, phân vi sinh. C. Phân vi sinh. D. Phân lân.

6.Phân hữu cơ trước khi bón cho cây cần phải ủ cho hoai mục nhằm:

A. Thúc đẩy nhanh quá trình phân giải và tiêu diệt mầm bệnh.

B. Thúc đẩy nhanh quá trình phân giải.

C. Tiêu diệt mầm bệnh.

D. Cây dễ hấp thụ được chất dinh dưỡng

**7.** Bón phân lúc cây ra hoa, tạo quả gọi là:

A. Bón lót B. Bón thúc C. Bón rãi D. Bón phun

**BÀI 9: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VS TRONG SX PHÂN BÓN.**

1. Yếu tố nào quan trọng nhất trong sản xuất phân bón vi sinh?

A. Mật độ vi sinh vật B. Nhiệt độ môi trường C. Độ ẩm D. Lượng nước

2. Sản phẩm phân bón vi sinh chuyển hóa lân và lân hữu cơ vi sinh:

A. Than bùn B. Phosphorrite C. Phosphor bacterin. D. Apatite

3.Khi dùng cho cây họ đậu thường sử dụng vsv cố định đạm cộng sinh bao gồm:

A. Rhizobium B. Nitragin. C. Bradyrhizobium D. Rhizobium, Bradyrhizobium

4. Dùng cho cây lúa thường sử dụng vi sinh vật cố định đạm hội sinh như:

A. Spirillum. B. Nitragin. C. Azospirillum, Spirillum. D. Azospirillum

5. Cách sử dụng phân vi sinh vật?

A. Tẩm vào hạt giống trước khi gieo hoặc bón trực tiếp vào đất.

B. Bón lúc trời mưa C. Bón lúc trời nắng D. Bón lúc mùa lạnh

6. Sản xuất phân VSV cố định đạm trải qua mấy bước? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

7. Sản xuất phân VSV chuyển hóa lân trải qua mấy bước? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**BÀI 15: SÂU, BỆNH HẠI CÂY TRỒNG VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHÒNG TRỪ**

1. Các loài sâu hại cây trồng:

A. Châu chấu, rệp, sâu xanh, ruồi đục quả B. Sâu xanh, ruồi đục quả, nấm, vi khuẩn

B. Sâu xanh, ruồi đục quả, vi rút D. Vi khuẩn, vi rút, nấm, châu chấu…

2. Sâu hại là: A.Các loài côn trùng. B.Nấm C.Vi khuẩn D.Virus

3. Cây trồng bị cấu tạo chức năng sinh lý không bình thường là khái niệm

A. Sâu hại B. Các loài côn trùng. C. Vi khuẩn D. Bệnh hại cây trồng

4**.** Rầy nâu là:

1. Nấm gây hại B. Côn trùng gây hại C. Vi khuẩn gây hại D. Virus gây hại

5. Nguyên nhân gây bệnh hại cây trồng:

A. Châu chấu, rệp, sâu xanh, ruồi đục quả B. Sâu xanh, ruồi đục quả, nấm, vi khuẩn

B. Sâu xanh, ruồi đục quả, vi rút D. Vi khuẩn, vi rút, nấm…hay điều kiện sống bất lợi

6. Các loại bệnh hại cây trồng:

A. Châu chấu, rệp, sâu xanh, ruồi đục quả B. Sâu xanh, ruồi đục quả, nấm, vi khuẩn

B. Sâu xanh, ruồi đục quả, vi rút D. Vi khuẩn, vi rút, nấm

7. Sâu, bệnh hại ảnh hưởng xấu đến cây trồng?

A. Cây bị thủng lá B. Cây bị gãy cành C. Cây bị rụng bông, rụng trái

D. Cây bị giảm năng suất và chất lượng sản phẩm

8. Biện pháp nào sau đây là biện pháp canh tác trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

A. Gieo trồng đúng thời vụ B. Sử dụng giống kháng bệnh

C. Sử dụng thuốc hóa học D. Bắt bằng vợt

9. Sử dụng vợt bắt sâu hại là biện pháp?

A. Điều hòa B. Sinh học C. Hoá học D. Cơ giới, vật lý

10. Để góp phần thực hiện tốt biện pháp sinh học chúng ta cần làm gì?

A. Áp dụng các biện pháp phòng trừ hợp lí B. Khống chế sự phát triển của các loài thiên địch

C. Bảo vệ các loài thiên địch, gây nuôi và bảo vệ các loài côn trùng có ích

D. Tạo ra nhiều nguồn thức ăn cho các loài sinh vật có ích

**11.**Biện pháp sinh học là gì?

A. Là áp dụng các kĩ thuật trồng trọt như vệ sinh đồng ruộng, làm đất, bón phân, tưới nước, luân canh, xen canh cây trồng nhằm loại bỏ mầm sâu, bệnh.

B. Là dùng sức người, dụng cụ, máy móc, bẫy để ngăn chặn, bắt, tiêu diệt, loại bỏ sâu, bệnh hại.

C. Là sử dụng sinh vật có ích hoặc sản phẩm của chúng để tiêu diệt sâu, bệnh hại cây trồng

D. Là sử dụng thuốc hóa học để phòng trừ sâu, bệnh hại

12**.** Phòng trừ sâu bệnh bằng biện pháp canh tác thường có ưu điểm là:

A. Tốn nhiều công lao động B. Tốn kém khi áp dụng trên diện rộng

C. Mang tính ngăn ngừa là chính D. Đơn giản, dễ thực hiện.

13. Phòng trừ sâu bệnh bằng biện pháp canh tác thường có nhược điểm là?

A. Tốn nhiều công lao động tốn kém khi áp dụng trên diện rộng

B. Giá thành cao, tác động chậm, hiệu quả thấp

C. Mang tính ngăn ngừa là chính D. ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người

**14.** Ưu điểm của biện pháp hóa học là:

A. Dễ sử dụng , hiệu quả nhanh B. Chi phí thấp

C. Dễ thực hiện làm đất tơi xốp D. Không gây hại môi trường

15. Phòng trừ sâu bệnh bằng biện pháp hóa học thường có ưu điểm?

A. Có tác dụng diệt nhanh trong thời gian ngắn B. Nguy hiểm với con người

C. Ô nhiễm môi trường D. Gây hại cho cây trồng

**16.** Ưu điểm của biện pháp sinh học để phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

A. Có tác dụng trong thời gian ngắn B. Nguy hiểm với con người

C. Thân thiện với môi trường D. Gây hại cho cây trồng

17. Phòng trừ sâu bệnh bằng cách: Áp dụng các kỹ thuật trồng trọt như vệ sinh đồng ruộng, làm đất, bón phân. tưới nước, luân canh cây trồng... là biện pháp A. Canh tác B. Sinh học C. Hóa học D. Cơ giới

18. Phòng trừ sâu bệnh bằng cách dùng sức người, dụng cụ, máy móc, bẫy để ngăn chặn, bắt, tiêu diệt, loại bỏ sâu, bệnh hại là biện pháp A. Canh tác B. Sinh học C. Hóa học D. Cơ giới, vật lí

19. Nhóm nào là bệnh hại trên cây trồng?

A. Xoăn lá, thối hỏng B. Rầy nâu, xoăn lá virus C. Rầy nâu, loét do vi khuẩn D. Sâu đục thân

20. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống?

khi bị sâu, bệnh phá hại cây trồng, ………**?**……….kém, năng suất và chất lượng nông sản giảm, thậm chí không cho thu hoạch hoặc cây trồng chết.

A. Chất lượng, năng suất B. Hình dạng hoa quả C. Sinh trưởng, phát triển D. Sức chống chịu sâu bệnh

21. Phát biểu sai về ý nghĩa của phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng là:

A. Hạn chế ảnh hưởng xấu của sâu, bệnh đối với cây trồng.

B. Tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng, phát triển

C. Giảm năng suất cây trồng

D. Đảm bảo cây trồng chất lượng tốt

22. Sử dụng sinh vật có ích hoặc sản phẩm của chúng để tiêu diệt sâu bệnh hại là biện pháp?

A. Canh tác B. Sinh học C. Hóa học D. Cơ giớivật lí

23. Dùng nhện bắt mồi, bọ đuôi kim, nấm bột tiêu diệt sâu hại cây trồng là biện pháp?

A. Điều hòa B. Sinh học C. Hoá học D. Cơ giới, vật lý

24. Sinh vật nào là bạn của nhà nông

A. Nhện bắt mồi B. Rầy nâu C. Sâu dục thân D. Nấm kí sinh cây trồng

25. Biện pháp phòng trừ sâu bệnh nào đòi hỏi người nông dân phải có kiến thức về hệ sinh thái cây trồng

A. Canh tác B. Sinh học C. Biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp D. Cơ giớivật lí

26. Để góp phần thực hiện tốt biện pháp sinh học chúng ta cần làm gì?

A. Áp dụng các biện pháp phòng trừ hợp lí B. Khống chế sự phát triển của các loài thiên địch

C. Bảo vệ các loài thiên địch, gây nuôi và bảo vệ các loài côn trùng có ích

D. Tạo ra nhiều nguồn thức ăn cho các loài sinh vật có ích

27.Giá thành cao, tác động chậm, hiệu quả thấp, khi sâu bệnh hại đã bùng phát là nhược điểm của phương pháp phòng trừ sâu bệnh nào?

A. Canh tác B. Sinh học C. Biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp D. Cơ giớivật lí

**BÀI 16: MỘT SỐ SÂU HẠI CÂY TRỒNG THƯỜNG GẶP VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ**

1. Rầy trưởng thành gồm mấy loại?A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

2. . Nhộng của sâu tơ phát triển trong bao lâu?

A. 4 ngày B. 10 ngày C. 4 – 10 ngày D. 2 ngày

3. Ruồi đục quả có tên khoa học là gì?

**A.** Plutella xylostella **B.** Nilaparvata lugens **C.** Spodoptera frugiperda **D.** Bactrocera dorsalis

4**.** Sâu keo mùa thu thường gây hại trên loại cây nào? A.Cây ngô B. Cây lúa C. Cây đậu D. Cây bí

**5.** Loại sâu nào thường gây hại trên cây lúa? A. Ruồi B. Sâu tơ C. Sâu keo D. Rầy nâu

6. Rầy nâu là

A. Nấm gây hại B. Côn trùng gây hại C. Vi khuẩn gây hại D. Virus gây hại

**7.** Sâu non có hình ống, màu xanh nhạt, dài khoảng 10 mm, đầu màu nâu vàng, trên mỗi đốt chân đều có lông tơ là loại sâu nào? A. Nhện bắt mồi B. Rầy nâu C. Sâu đục thân D. Sâu tơ hại rau

8. Sâu tơ hại rau sau khi đẻ bao nhiêu ngày thìu trứng nở? A. 3 ngày B. 7 ngày C, 3 – 7 ngày D. 8 ngày

9. Sâu tơ hại rau, ở giai đoạn sâu non uổi nhỏ thường ăn bộ phận nào của cây?

A. Biểu bì lá B. Hoa C. Quả D. Thân

10. Đặc điểm gây hại trên cây lúa của rầy nâu là?

A. Ăn lá B. Ăn ngọn C. Chích hút nhựa cây D. Ăn gốc

11. Trứng có màu trắng hoặc vàng kem, hình trị thon dài và đầu hơi nhọn đó là trứng của?

A. Sâu tơ hại rau B. Rầy nâu hại lúa C. Sâu keo màu thu D. Ruồi đục quả

12**.** Trên quả có các vết chích màu đen, sau chuyển thành nâu, phần thịt quá bị thối quả rụng là do:

A. Sâu tơ hại lúa B Ruồi đục quả. C. rầy nâu D. Sâu keo mùa thu

13.Thả vịt, thả cá rô phi, bọ xít mù xanh để tiêu diệt rầy nâu là biện pháp nào trong phòng trừ sâu bệnh cây trồng? A. Canh tác B. Sinh học C. Biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp D. Cơ giớivật lí

**BÀI 17: MỘT SỐ BỆNH HẠI CÂY TRỒNG THƯỜNG GẶP VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ**

1. Bệnh thán thư do ? A. Nấm Colletotrichum gây ra. B. Nấm Pyricularia oryzae gây ra.

C. Vi khuẩn Candidatus Liberibacter asiaticus gây ra. D. Vi khuẩn Xanthomonas oryzae gây ra. 2. Bệnh thán thư xuất hiện trong điều kiện?. A. Độ ẩm cao, nhiệt độ cao.

B. Độ ẩm cao, sương muối nhiều. C. Độ ẩm thấp, sương muối nhiều. D. Độ ẩm thấp, sương muối ít. 3. Đặc điểm của bệnh vàng lá greening là ?

A. Quả có vết đen lõm xuống sau chuyển thành màu đen và rụng.

B. Lá có chấm nhỏ màu xanh lục mờ, sau chuyển thành hình thoi màu nâu nhạt.

C. Quả nhỏ, bị méo, vàng loang lổ. D. Khi cây bệnh, cành và lá héo rũ.

4. Đặc điểm của bệnh đạo ôn hại lúa là ?.

A. Quả có vết đen lõm xuống sau chuyển thành màu den và rụng.

B. Lá có chấm nhỏ màu xanh lục mờ, sau chuyển thành hình thoi màu nâu nhạt.

C. Qủa nhỏ, bị méo, vàng loang lổ.

D. Khi cây bệnh, cành và lá héo rũ.

5. Đặc điểm của bệnh héo xanh vi khuẩn là ?.

A. Quả có vết đen lõm xuống sau chuyển thành màu den và rụng.

B. Lá có chấm nhỏ màu xanh lục mờ, sau chuyển thành hình thoi màu nâu nhạt.

C. Qủa nhỏ, bị méo, vàng loang lổ.

D. Khi cây bệnh, cành và lá héo rũ.

6. Bệnh do nấm Colletotrichum gây ra, phát triển mạnh trong điều kiện độ ẩm cao, sương muối nhiều.Bệnh phát sinh và gây hại trên lá, chồi non, chùm hoa và quả là bệnh gì?

A. Bệnh vàng lá B. Bệnh đạo ôn C. Bệnh thán thư D. Bệnh héo xanh

7. Vết bệnh trên lá dạng chấm nhỏ màu xanh lục, mờ, sau đó có hình thoi, màu nâu nhạt, có quầng màu vàng nhạt đó là đặc điểm nhận biết của bệnh?

A. Bệnh héo xanh B.Bệnh đạo ôn C. Bệnh thán thư D. Bệnh vàng lá

8. Loại bệnh nào trên cây trồng do vi khuẩn gây ra trên cây có múi hiện nay chưa có thuốc đặc trị

A. Bệnh héo xanh B.Bệnh đạo ôn C. Bệnh thán thư D. Bệnh vàng lá

9. Trên hoa quả : Vết bệnh hơi lõm xuống kiểu chấm đen, làm hoa và quả chuyển màu đen và rụng đó là đặc điểm nhận biết của bênh? A. Bệnh vàng lá B. Bệnh đạo ôn C. Bệnh thán thư D. Bệnh héo xanh

10. Cắt ngang thân, cành thấy chứa dịch nhờn vi khuẩn đó là đặc điểm nhận biết của bệnh?

A. Bệnh vàng lá B. Bệnh đạo ôn C. Bệnh thán thư D. Bệnh héo xanh

11. Sử dụng chế phẩm vi sinh vật đối kháng Bacillus subtilis trong phòng trừ bệnh nào trên cây trồng ?

A. Bệnh vàng lá B. Bệnh đạo ôn C. Bệnh thán thư D. Bệnh héo xanh

**BÀI 18: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH TRONG PHÒNG TRỪ SA7U, BỆNH HẠI CÂY TRỒNG**

1. Quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn trừ sâu gồm mấy bước? A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

2. Bước thứ 3 trong quy trình xản xuất chế phẩm vi khuẩn trừ sâu là:

1. Sản xuất giống vi khuẩn cấp 1 C**.** Sản xuất giống vi khuẩn cấp 2

B. Lên men, tăng sinh khối vi khuẩn D**.** Sấy khô và nghiền vi khuẩn

3. Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu dùng để diệt loại sâu nào?

A**.** Sâu róm hại thông B**.** Sâu tơ C**.** Sâu khoang hại rau D. Cả 3 đáp án trên

4. Vi rút NPV trong chế phẩm làm sâu chết trong thời gian bao lâu?

1. 1 ngày B. 2 ngày C. 5 ngày D. 2 – 5 ngày

5. Chế phẩm virus trừ sâu không gây độc cho?

A**.** Con người B**.** Môi trường C. Con người và môi trường D.Cây trồng

**6.** Nhóm nào vi sinh vật gây hại trên cây trồng? A. Sâu cuốn, lá sâu đục thân

B.Rầy nâu, vi khuẩn, virus C. Rầy nâu, nấm gây hại D. Vi khuẩn, virus, nấm…

7. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống. Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu là sản phẩm có chứa vi khuẩn có khả năng ……**…?…**…….cây trồng làm sâu bị yếu, hoạt động chậm và chết

A**.** Tăng lượng sâu B**.** Gây độc cho sâu hại C. Làm sâu chết D.Tăng sức chống chiệu

8. Vi khuẩn trong chế phẩm trừ sâu có khả năng tổng hợp chất nào gây độc cho sâu non?

A**.** Tinh thể Protein B**.** Tinh thể muối C. Làm sâu chết D.Tăng sức chống chiệu

9. Lây nhiễm virus lên vật chủ là bước thứ mấy trong quy trình sản xuất chế phẩm virus trừ sâu?

A.Bước 1 B. Bước 2 C. Bước 3 D. Bước 4

BÀI 19: **QUY TRÌNH TRỒNG TRỌT VÀ CƠ GIỚI HOÁ TRONG TRỒNG TRỌT**

1**.** Quy trình trồng trọt gồm mấy bước? A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

2**.** Cách bón lót phân cho cây trồng là: A.Bón theo hốc B**.** Bón theo hàng

C**.**  Bón rải trên mặt ruộng D. Bón theo hốc, theo hàng và bón rải

3.Đâu không phải là công việc phòng trừ sâu, bệnh? A.Vệ sinh đồng ruộng

B**.** Sử dụng giống chống bệnh C. Bón phân D**.** Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

4. Cho các ý sau a. Thu hoạch b. Làm đất bón phân lót c. Gieo hạt trồng cây con d. Chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Nhận xét thứ tự nào là đúng trong quy trình trồng trọt cơ bản

A. a-b-c-d B. b-a-c-d C.c-d-b-a D.b-c-d-a

5. Loại cây trồng nào thường được gieo hạt trực tiếp trên đồng ruộng

A. Lúa, ngô, đậu B. Cải xanh, cà chua, khoai C.Lúa, ngô,thơm D.Rau, khoai mì

6. Công việc tưới nước, tiêu nước, vệ sinh đồng ruộng, bón phân …là nội dung nào trong quy trình trồng trọt? A. Thu hoạch B. Làm đất bón phân lót

C. Gieo hạt trồng cây con D. Chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh

7. Loại máy nào thích hợp cơ giới hóa trong gieo trồng?

A. Máy cày B. Máy bón phân đĩa C. Máy sạ lúa D. Máy phun thuốc trừ sâu

Bài 20: CÔNG NGHỆ CAO TRONG THU HOẠCH VÀ BẢO QUẢN

**1**. Có mấy phương pháp bảo quản sản phẩm trồng trọt công nghệ cao? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**2**. Phương pháp bảo quản bằng kho silo có mấy ưu điểm? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

3. Nhược điểm của bảo quản bằng kho silo là?

A. Chi phí cao B. Khó bảo quản C. Đòi hỏi có trình độ chuyên môn D. Hao hụt nhiều

4. Thời gian bảo quản dài, giữ được chất lượng sản phẩm, dễ thiết kế, áp dụng, nâng cao giá trị sản phẩm…đó là ưu điểm của:

A. Bảo quản bằng kho silo B. Bảo quản bằng kho lạnh

C. Bảo quản bằng chiếu xạ D. Bảo quản bằng khí quyển điều chỉnh

5. Bảo quản bằng chiếu xạ có mấy được điểm? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

6. Bảo quản bằng khí quyển điều chỉnh có mấy ưu điểm? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**7**. Công nghệ plasma lạnh áp dụng cho sản phẩm nào sau đây?

A. Đậu xanh B.Đậu tương C.Ngô D. Đậu xanh, đậu tương, ngô.

8. Đâu ***không phải*** là ưu điểm của phương pháp khí quyển điều chỉnh?

A. Thời gian bảo quản lâu dài B.Khó thiết kế, áp dụng

C.Giữ được chất lượng sản phẩm D.Nâng cao giá trị sản phẩm

9. Đâu là nhược điểm của phương pháp khí quyển điều chỉnh?

A.Tiêu tốn năng lượng khi vận hành B.Khó thiết kế, áp dụng

C.Đòi hỏi kĩ thuật cao khi vận hành D.Không tiêu diệt được hoàn toàn các loại VSV

10. lúa, đậu, ngô thường bảo quản bằng công nghệ gì?

A. bảo quản bằng kho silo B. bảo quản trong kho lạnh

C. bảo quản bằng chiếu xạ D. bảo quản bằng khí quyển điều chỉnh

11 bảo quản nông sản trong kho lạnh nhiệt độ bảo quản thường dao động từ:

A. 10C đến 40C B. 40C đến 100C C. 100C đến 150C D. 00C đến 50C

12. bảo quản nông sản bằng phương pháp chiếu xạ thường áp dụng cho loại nông sản nào?

A. Rau, quả hoa B. ngô thóc, đậu C. Bắp, khoai D. Rau quả xuất khẩu

13. Phương pháp bảo quản nông sản nào cần yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt để đảm bảo an toàn lao động?

A. bảo quản bằng kho silo B. bảo quản trong kho lạnh

C. bảo quản bằng chiếu xạ D. bảo quản bằng khí quyển điều chỉnh

14. Bảo quản nông sản bằng khí quyển điều chỉnh bằng cách thay đổi nồng độ:

A. CH2 và O2  B. CO2 và O2  C. CH4 và O2  D. CH2 và CO2

Bài 21: CHẾ BIẾN SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT

1. Mục đích của chế biến sản phẩm trồng trọt là duy trì, nâng cao chất lượng, làm ………..cho sản phẩm trồng trọt. Tạo ra các sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

A. Tăng giá trị B. Tăng năng suất C. Tăng thu nhập D. Tăng bảo quản

2. Mít, chuối, khoai lang thường chế biến theo phương pháp?

A. Phơi nắng B. Nấu chín C. Sấy khô D. Nghiền

3. Củ mì, củ nghệ, gạo thường chế biến bằng phương pháp?

A. Sấy khô B. Muối chua C. Nấu chín D. Nghiền bột mịn hay tinh bột

4. Công nghệ sấy lạnh có dải nhiệt đô sấy từ:

A. 100C - 650C B. 150C - 650C C. 200C - 700C D. 250C - 750C

5. Công nghệ sấy lạnh có độ ẩm không khí là? A. 40% B. Dưới 40% C. 45% D. 50%

6. Ưu điểm của công nghệ sấy lạnh là? A. Sản phẩm hết ngọt B. Sản phẩm bị dập nát

C. Sản phẩm đông cứng D. Sản phẩm giữ nguyên màu sắc, mùi vị

7. Công nghệ xử lí bằng áp suất cao có nhiệt độ ?

A. 10C - 40C B. 40C - 100C C. 100C - 150C D. 10C - 50C

8. Ngăn chặn không cho vi khuẩn, vi rút làm ô nhiễm sản phẩm gọi là?.

A. Kích hoạt vi khuẩn, vi rút ? B. Tác động vi khuẩn, vi rút

C. Bất hoạt vi khuẩn, vi rút D. Linh hoạt vi khuẩn, vi rút

9. Nhược điểm của công nghệ sấy lạnh,công nghệ xử lí bằng áp suất cao và công nghệ chiên chân không là? A. Chi phí cao B. Chi phí vừa C. Chi phí thấp D. Không cần chi phí

10. Chế biến xirô từ quả thực hành gồm mấy bước? A. 2 bước B. 3 bước C. 4 bước D. 5 bước

11. Sau khi thực hành xong, bao nhiêu ngày sản phẩm thành xi rô?.

A. 10 – 20 ngày B. 15 -20 ngày C. 25 – 30 ngày D. 20 – 30 ngày

12. Ý nào không phải là mục đích của việc chế biến sản phẩm trồng trọt?

A. Duy trì và nâng cao chất lượng B. Tạo ra các sản phẩm đa dạng

C. Tiết kiệm điện năng D. Nâng cao thu nhập

13. Năm 2018 xuất khẩu sản phẩm trồng trọt đạt được là:

A.30.02 tỉ USD B. 40.02 tỉ USD C. 50.02 tỉ USD D. 60.02 tỉ USD

14. Phương pháp nào sử dụng sự chênh lệch độ ẩm giữa bên trong hoa quả với môi trường không khí sấy để làm khô hoa quả ?

A.Phương pháp sấy khô B. Phương pháp sấy nóng

C. Phương pháp sấy hơi nước D. Phương pháp sấy lạnh

15. Ý nào không là ưu điểm của công nghệ xử lý bằng áp suất cao?

A. Làm tăng hàm lượng chất khô B. giúp tiêu hóa dễ dàng hơn

C. Tiêu thụ ít năng lượng D.Tác động của áp suất đồng đều đến Toàn bộ sản phẩm

Bài 23:GIỚI THIỆU VỀ TRỒNG TRỌT CÔNG NGHỆ CAO

1. Ứng dụng trong trồng trọt như: cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ nhà kính… đó là ứng dụng?

A. Công nghệ cao B. Truyền thống C. Công nghệ vừa D. Công nghệ thấp

2. Chi phí đầu tư cao. Thiếu nguồn nhân lực ……….để vận hành hệ thống thiết bị trong trồng trọt công nghệ cao? A. Tiên tiến B. Cải tiến C. Chất lượng cao D. Đồng bộ

3. Mô hình trồng rau trong nhà lưới tăng gấp……….so với canh tác truyền thống?

A. 1 - 2 lần B. 2 – 3 lần C. 3 – 4 lần D. 4 – 5 lần

4. Trồng trọt công nghệ cao có mấy ưu điểm? A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

5. Công nghệ IoT còn gọi là: A. Công nghệ cải tiến B. Công nghệ thông tin

C. Công nghệ Internet vạn vật D. Công nghệ thiết kế

6. Sự quan tâm của nhà nước về nông nghiệp công nghệ cao: Nhiều chủ trương, ……….về nông nghiệp công nghệ cao đã được bàn thảo và ban hành:

A. Chính sách B. Nghị quyết C. Chính sách, nghị quyết D. Quyết định

7. Trồng trọt công nghệ cao giúp nâng cao hiệu quả tạo bước đột phá về……?……… sản phẩm trồng trọt.

A.Năng suất ,chất lượng B.Tinh thần C.Công tác D. Hiệu quả

8. Trồng trọt công nghệ cao giúp nông dân …?………sản xuất giảm sự lệ thuộc vào khí hậu, thời tiết

A.Hăng hái B.Chủ động C. Nhiệt tình D. Năng suất

**Bài 24: MỘT SỐ CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRỒNG TRỌT**

1. Nhà kính trồng cây thường có cạnh và mái làm bằng loại vật liệu nào sau đây?

A. Kính hoặc vật liệu tương tự B. Lưới đen hoặc lưới trắng

C. Mái lợp tôn, cạnh làm bằng kính D. Mái làm bằng kính, cạnh làm bằnglưới

2. Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về vai trò của nhà kính?

A. Môi trường kín hỗ trợ tốt cho việc canh tác rau sạch

B. Tránh được hầu hết các loại côn trùng hại cây

C. Hạn chế được các tác động tiêu cực của thời tiết

D. Rút ngắn thời gian sinh trưởng, phát triển của cây

3. Thời gian sử dụng mô hình nhà kính đơn giản là bao lâu?

A. 1 – 5 năm B. 5 – 10 năm C. 10 – 15 năm D. 15 – 20 năm

4. Thời gian sử dụng mô hình nhà kính hiện đại là bao lâu?

A. 5 năm B. 10 năm C. 15 năm D. Trên 15 năm

5. Ưu điểm của tưới nước tự động?

A. Tiết kiệm nước, đỡ tốn công lao động B. Tưới nước thoải mái cho cây

C. Cây nhận nước nhiều D. Tiết kiệm được thời gian

6. Công cụ điều hướng GPS là?

A. Hệ thống điều khiển cảm biến B. Hệ thống điều khiển robot

C. Hệ thống điều khiển máy bay không người lái D. Hệ thống định vị toàn cầu

7. Nhà kính đơn giản có mấy ưu điểm? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

8. Nhà kính liên hoàn có mấy ưu điểm? A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

9. Biện pháp cung cấp nước theo dạng hạt nhỏ đến siêu nhỏ đó là công nghệ tưới nước?

A. Nhỏ giọt B. Phun sương D. Phun mưa D. Tự do

10.Nhược điểm của nhà kính đơn giản là gì?

A. Khó điều chỉnh nhiệt độ mùa hè B. Khó sử dụng với cây ăn quả

C. A và B đúng D,Chi phí cao

11. Có mấy công nghệ tưới nước tự động? A.1 B. 2 C.3 D.4

12.Đâu không phải đặc điểm của nhà kính đơn giản?

A. Vật liệu phức tạp B. Chủ yếu tránh mưa, gió

C. Thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm D. Tránh nhiệt độ thấp

13.Loại nhà kính nào chủ động điều chỉnh được nhiệt độ, độ ẩm tùy theo loại cây trồng?

A.Nhà kính đơn giản B. Nhà kính hiện đại C.Nhà kính liên hoàn D.Nhà kính cố định

14.Ở Việt Nam công nghệ tưới tiết kiệm nước được bắt đầu từ năm nào

A.1990 B. 1991 C.1992 D.1993